
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.15	0.12	0.15	0.00	3Y	0.68	-0.001
1W	1.20	0.10	0.19	0.00	5Y	1.16	-0.003
2W	1.21	0.02	0.24	-0.01	7Y	1.47	0.005
1M	1.26	0.05	0.34	-0.01	10Y	2.37	0.008
2M	1.37	0.03	0.44	-0.01	15Y	2.60	0.001
3M	1.51	0.05	0.56	-0.02			
6M	1.84	-0.11	0.90	-0.03			
9M	2.58	-0.04	1.23	0.01			
1Y	3.09	-0.07	1.28	0.01			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
05-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
04-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
29-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

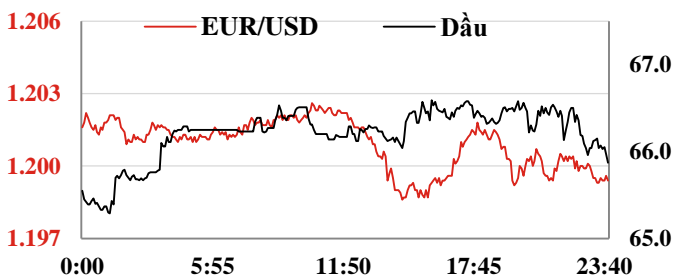
đơn vị: tỷ đồng

TCPPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	5-May-21	7	500	250	1.45%	0.00%
MOF	5-May-21	10	6000	4936	2.37%	0.01%
MOF	5-May-21	15	3000	1850	2.58%	0.02%
MOF	5-May-21	20	500	500	2.90%	0.01%
Tổng			10000	7536		

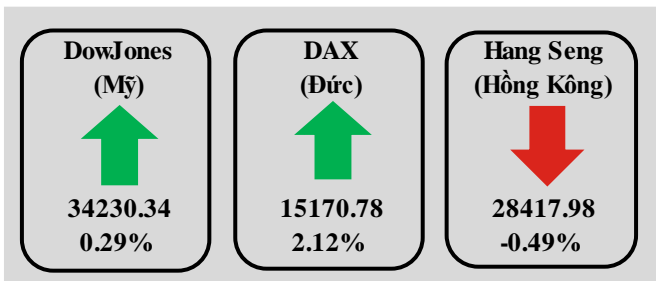
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1256.43	280.93	80.66
%/ngày	1.15%	1.16%	1.00%
%/31/12/2020	13.82%	38.3%	8.3%
KLGD (tr.d.vị)	744.43	115.03	50.9
GTGD (tỷ đ)	21209.83	2349.07	832.33
NĐINN mua (tỷ đ)	912.66	44.25	0.67
NĐINN bán (tỷ đ)	1692.29	28.40	0.25

Tin trong nước ngày 05/05

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 05/05, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.176 VND/USD, chỉ tăng nhẹ 02 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.821 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.071 VND/USD, tiếp tục tăng 07 đồng so với phiên 04/05. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm tiếp 10 đồng ở chiều mua vào và giảm 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.610 - 23.660 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 05/05, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 – 0,12 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,15%; 1W 1,20%; 2W 1,21% và 1M 1,26%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn dài hơn, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ ở các kỳ hạn 3Y và 5Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,68%; 5Y 1,16%; 7Y 1,47%; 10Y 2,37%; 15Y 2,60%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 05/05, KBNN huy động thành công 7.536/10.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 75%). Trong đó, kỳ hạn 7 năm huy động 250/500 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động 4.936/6.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.850/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động toàn bộ 500 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 7 năm giữ nguyên tại 1,45%/năm, kỳ hạn 10 năm tại 2,37%/năm (+0,01%); kỳ hạn 15 năm tại 2,58%/năm (+0,02%); kỳ hạn 20 năm tại 2,9%/năm (+0,01%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn tăng giá mạnh ngay từ đầu phiên giao dịch, VN-Index vượt qua được mốc 1.250 tỷ đồng. Chốt phiên, VN-Index tăng mạnh 14,23 điểm (+1,15%) lên 1.256,43 điểm; HNX-Index tăng 3,22 điểm (+1,16%) lên 280,93 điểm; UPCoM-Index tăng 0,80 điểm (+1,0%) lên 80,66 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức cao tương tự phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 24.400 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 763 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê, 4 tháng đầu năm 2021, cả nước có gần 44,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới** với tổng số vốn đăng ký là 627,7 nghìn tỷ, tăng 17,5% về số DN, tăng 41% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 792,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 14,9 nghìn DN thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm là 1.420,6 nghìn tỷ đồng, tăng 26,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 19,3 nghìn DN quay trở lại hoạt động, tăng 8%. Tuy nhiên, lũy kế 4 tháng đầu năm, có 51,5 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2020.



	5 May 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	91.31	0.02%	0.77%	1.52%
USD/CNY	6.47	0.00%	-0.06%	-0.80%
USD/EUR	0.83	0.07%	0.98%	1.73%
USD/JPY	109.18	-0.14%	0.54%	5.75%
USD/KRW	1124.72	-0.09%	1.34%	3.71%
USD/SGD	1.34	-0.07%	0.77%	1.08%
USD/TWD	27.95	-0.03%	0.34%	-0.45%
USD/THB	31.13	-0.16%	-0.70%	3.63%
USD/VND Trung tâm	23176	0.01%	0.07%	0.19%
USD/VND LNH	23071	0.03%	0.09%	-0.07%
USD/VND tự do	23610	-0.04%	-0.17%	1.33%
Vàng	1786.44	0.45%	0.29%	-5.80%
Dầu	65.63	-0.09%	2.77%	35.26%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0679	0.0034		
SW	0.0770	-0.0038		
1M	0.1056	-0.0028	0.2650	0.0000
2M	0.1418	-0.0055		
3M	0.1699	-0.0055	0.4361	0.0000
6M	0.2006	-0.0060	0.5916	0.0000
1Y	0.2790	-0.0039	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 04/05/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	10/06/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	10/06/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/06/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

■ **Nước Mỹ đón một số thông tin kinh tế chưa tích cực như kỳ vọng.** Đầu tiên, tổ chức ADP cho biết nước Mỹ tạo ra 742 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới trong tháng 4, cao hơn so với mức 565 nghìn đơn của tháng 3, tuy nhiên chưa đạt mức 872 nghìn theo dự báo của các chuyên gia. Trong số 742 nghìn việc làm tăng lên, có 106 nghìn việc làm thuộc về lĩnh vực sản xuất sản phẩm và có 636 nghìn việc làm thuộc lĩnh vực dịch vụ. Tiếp theo, Viện Quản lý nguồn cung Mỹ ISM cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ của nước này ở mức 62,7% trong tháng 4, giảm xuống từ mức 63,7% của tháng 3 và trái với kỳ vọng tăng nhẹ lên 64,2%.

■ **Eurozone đón một số thông tin kinh tế quan trọng.** IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ Eurozone chính thức đạt 50,5 điểm trong tháng 4 vừa qua, được điều chỉnh tăng nhẹ từ mức 50,3 điểm theo khảo sát sơ bộ, và cao hơn mức 49,6 điểm của tháng trước đó. Riêng đối với nước Đức, PMI lĩnh vực dịch vụ được điều chỉnh xuống còn 49,9 điểm từ mức 50,1 điểm theo khảo sát sơ bộ, giảm đáng kể so với mức 51,5 điểm của tháng 3. Tiếp theo, chỉ số giá sản xuất PPI tại khu vực này tăng 1,1% m/m trong tháng 3, nối tiếp đà tăng 0,5% của tháng trước đó và khớp với dự báo của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2020, PPI của khu vực này tăng tới 4,3%.

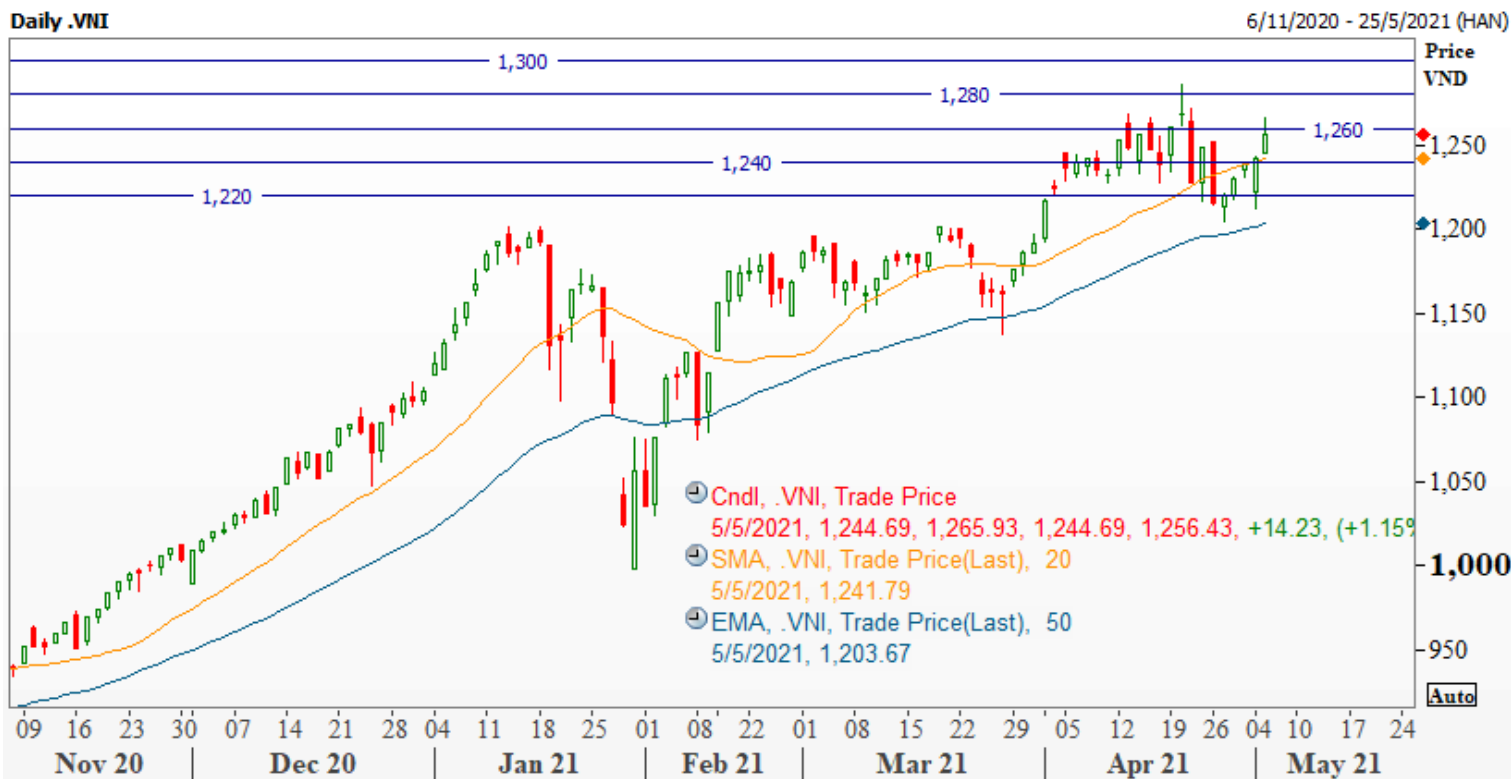
■ **Nước Úc đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Về tiêu cực, tổ chức AIG cho biết PMI lĩnh vực xây dựng tại Úc ở mức 59,1 điểm trong tháng 4, giảm nhẹ từ mức 61,8 điểm của tháng trước đó. Nguyên nhân chủ yếu do các chỉ số về lượng đơn đặt hàng mới, nhân lực, vận chuyển đều giảm xuống kể từ sau khi đạt đỉnh lịch sử vào tháng 3. Về thông tin tích cực, số cấp phép xây dựng nhà tại Úc trong tháng 3 đạt 23.176 đơn, tăng mạnh 17,4% m/m, nối tiếp đà tăng 20,1% của tháng trước đó và vượt mạnh so với dự báo chỉ tăng 2,9%. So với cùng kỳ 2020, số cấp phép trong tháng 3 đã tăng 47%, trong đó 60,9% là cấp phép xây dựng nhà ở cá nhân.

■ Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
05-04	5:30	*	PMI lĩnh vực xây dựng AIG Úc T4	59.1		61.8
05-04	8:30	*	Số cấp phép xây dựng nhà tại Úc mm T3	17.4	2.9	20.1
05-04	15:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T4	50.5	50.3	50.3
05-04	19:15	**	Số thay đổi việc làm lĩnh vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T4	742K	872K	565K
05-04	21:00	**	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T4	62.7	64.2	63.7
06-04	13:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy Đức mm T3		1.5	1.2
06-04	15:30	**	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T4		60.2	60.1
06-04	16:00	*	Doanh số bán lẻ Eurozone mm T3		1.5	3.0
06-04	18:00	**	LSCS NHTW Anh BOE		0.1	0.1
06-04	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp việc làm lần đầu tại Mỹ we		540K	553K

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



VN-Index tăng mạnh lên mức 1.256,43 điểm. Xu hướng ngắn hạn trở lên tích cực hơn khi VN-Index đóng cửa nằm trên các đường trung bình động quan trọng là SMA20 và SMA50, có khả năng VN-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần 1.260-1.280 điểm trong ngắn hạn.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.240 – 1.220

Ngưỡng kháng cự: 1.280 – 1.300

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn